

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 3

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4**Bộ sách: Cánh diều**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Khoanh vào phân số ứng với số phần tô màu ở hình dưới đây:

- A. $\frac{3}{8}$ B. $\frac{5}{8}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{3}{5}$

Câu 2. Cho phân số $\frac{12}{36} = \frac{\dots}{9}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

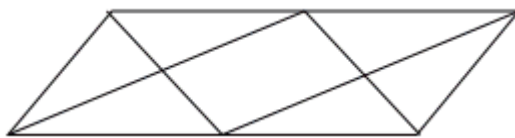
- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 3. Trong các phân số dưới đây, phân số lớn hơn 1 là:

- A. $\frac{27}{34}$ B. $\frac{19}{25}$ C. $\frac{33}{28}$ D. $\frac{25}{26}$

Câu 4. Phân số tối giản của phép tính $\frac{5 \times 7 \times 9}{14 \times 9 \times 13}$ là:

- A. $\frac{5}{13}$ B. $\frac{5}{2}$ C. $\frac{7}{13}$ D. $\frac{5}{26}$

Câu 5. Hình vẽ bên có mấy hình bình hành:

- A. 2 hình B. 3 hình C. 4 hình D. 5 hình

Câu 6. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $3 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 \dots\dots 320 \text{ cm}^2$ là:

- A. < B. > C. = D. Không xác định được

Câu 7. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 65m, chiều rộng 32 m. Người ta cấy lúa ở đó.Trung bình cứ 10 m² thu hoạch được 5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

- A. 1 040 kg B. 10 400 kg C. 4 160 kg D. 2 080 kg

Câu 8. Ba bạn Nam, Huy, Tú cùng đọc một quyển truyện giống nhau. Nam đã đọc $\frac{5}{24}$ quyển

truyện, Huy đã đọc $\frac{1}{6}$ quyển truyện, Tú đã đọc $\frac{3}{8}$ quyển truyện. Hỏi bạn nào đã đọc được nhiều trang truyện nhất?

- A. Nam B. Huy C. Tú D. Không xác định được

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính

$$\frac{11}{20} + \frac{7}{20} = \dots\dots$$

$$\frac{4}{5} + \frac{13}{30} = \dots\dots$$

$$\frac{15}{19} - \frac{8}{19} = \dots\dots$$

$$\frac{25}{36} - \frac{17}{36} = \dots\dots$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $18\text{dm}^2 4\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b) $26\ 000 \text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

c) $4\text{m}^2 56 \text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

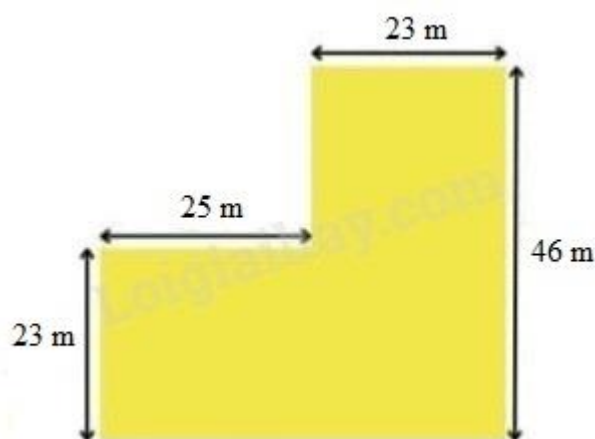
d) $70\ 009 \text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots \text{mm}^2$

Câu 3. Cho các phân số $\frac{4}{3}$; $\frac{15}{27}$; $\frac{7}{18}$; $\frac{8}{9}$

a) Các phân số tối giản là:

b) Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

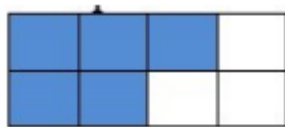
Câu 4. Bác Năm có một mảnh vườn như hình bên. Tính diện tích mảnh vườn đó.



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khoanh vào phân số ứng với số phần tô màu ở hình dưới đây:



A. $\frac{3}{8}$

B. $\frac{5}{8}$

C. $\frac{5}{3}$

D. $\frac{3}{5}$

Phương pháp

Phân số chỉ số phần được tô màu có tử số là số phần được tô màu, mẫu số là số phần bằng nhau.

Lời giải

Phân số chỉ số phần đã tô màu trong hình trên là $\frac{5}{8}$

Chọn B

Câu 2. Cho phân số $\frac{12}{36} = \frac{\dots}{9}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Phương pháp

Áp dụng tính chất cơ bản của phân số: Nếu chia hết cả tử và mẫu số của một phân số cho cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Lời giải

$$\frac{12}{36} = \frac{12:4}{36:4} = \frac{3}{9}$$

Chọn A

Câu 3. Trong các phân số dưới đây, phân số lớn hơn 1 là:

A. $\frac{27}{34}$

B. $\frac{19}{25}$

C. $\frac{33}{28}$

D. $\frac{25}{26}$

Phương pháp

Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1.

Lời giải

Phân số lớn hơn 1 là $\frac{33}{28}$

Chọn C

Câu 4. Phân số tối giản của phép tính $\frac{5 \times 7 \times 9}{14 \times 9 \times 13}$ là:

A. $\frac{5}{13}$

B. $\frac{5}{2}$

C. $\frac{7}{13}$

D. $\frac{5}{26}$

Phương pháp

Chia nhẩm cả tử số và mẫu số cho các thừa số chung.

Lời giải

$$\frac{5 \times 7 \times 9}{14 \times 9 \times 13} = \frac{5 \times 7 \times 9}{7 \times 2 \times 9 \times 13} = \frac{5}{2 \times 13} = \frac{5}{26}$$

Chọn D

Câu 5. Hình vẽ bên có mấy hình bình hành:



A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình

Phương pháp

Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Lời giải

Hình vẽ bên có 4 hình bình hành.

Chọn C

Câu 6. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $3 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 \dots\dots 320 \text{ cm}^2$ là:

A. <

B. >

C. =

D. Không xác định được

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$

Lời giải

Ta có $3 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = 302 \text{ cm}^2 < 320 \text{ cm}^2$

Chọn A

Câu 7. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 65m, chiều rộng 32 m. Người ta cấy lúa ở đó.

Trung bình cứ 10 m^2 thu hoạch được 5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

A. 1 040 kg

B. 10 400 kg

C. 4 160 kg

D. 2 080 kg

Phương pháp

- Tìm diện tích thửa ruộng

- Tìm số kg thóc thu hoạch được = diện tích : 10×5

Lời giải

Diện tích thửa ruộng đó là $65 \times 32 = 2\ 080 \text{ (m}^2\text{)}$

Thửa ruộng đó thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là: $2\ 080 : 10 \times 5 = 1\ 040$ (kg)

Chọn A

Câu 8. Ba bạn Nam, Huy, Tú cùng đọc một quyển truyện giống nhau. Nam đã đọc $\frac{5}{24}$ quyển truyện, Huy đã đọc $\frac{1}{6}$ quyển truyện, Tú đã đọc $\frac{3}{8}$ quyển truyện. Hỏi bạn nào đã đọc được nhiều trang truyện nhất?

A. Nam B. Huy C. Tú D. Không xác định được

Phương pháp

Quy đồng mẫu số các phân số rồi so sánh.

Lời giải

Ta có $\frac{1}{6} = \frac{4}{24}$; $\frac{3}{8} = \frac{9}{24}$ nên $\frac{1}{6} < \frac{3}{8} < \frac{5}{24}$

Vậy bạn Tú đã đọc được nhiều trang truyện nhất.

Chọn C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính

$$\frac{11}{20} + \frac{7}{20} = \dots\dots$$

$$\frac{4}{5} + \frac{13}{30} = \dots\dots$$

$$\frac{15}{19} - \frac{8}{19} = \dots\dots$$

$$\frac{25}{36} - \frac{17}{36} = \dots\dots$$

Phương pháp

- Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi cộng hai phân số đó.
- Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta lấy tử số của phân số thứ nhất trừ đi tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

Lời giải

$$\frac{11}{20} + \frac{7}{20} = \frac{18}{20} = \frac{9}{10}$$

$$\frac{4}{5} + \frac{13}{30} = \frac{24}{30} + \frac{13}{30} = \frac{37}{30}$$

$$\frac{15}{19} - \frac{8}{19} = \frac{7}{19}$$

$$\frac{25}{36} - \frac{17}{36} = \frac{8}{36} = \frac{2}{9}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $18\text{dm}^2\ 4\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b) $26\ 000\ \text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

c) $4\text{m}^2\ 56\ \text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$$d) 70\ 009\ \text{mm}^2 = \dots\dots\dots\ \text{dm}^2 \dots\dots\dots\ \text{mm}^2$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1\ \text{dm}^2 = 100\ \text{cm}^2 = 10\ 000\ \text{mm}^2$$

$$1\ \text{m}^2 = 100\ \text{dm}^2 = 10\ 000\ \text{cm}^2$$

Lời giải

$$a) 18\text{dm}^2\ 4\text{cm}^2 = \mathbf{1\ 804\ \text{cm}^2}$$

$$b) 26\ 000\ \text{dm}^2 = \mathbf{260\ \text{m}^2}$$

$$c) 4\text{m}^2\ 56\ \text{cm}^2 = \mathbf{40\ 056\ \text{cm}^2}$$

$$d) 70\ 009\ \text{mm}^2 = \mathbf{7\ \text{dm}^2\ 9\ \text{mm}^2}$$

Câu 3. Cho các phân số $\frac{4}{3}$; $\frac{15}{27}$; $\frac{7}{18}$; $\frac{8}{9}$

a) Các phân số tối giản là:

b) Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

Phương pháp

a) Phân số tối giản là phân số có tử số và mẫu số không cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1

b) So sánh rồi sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn

Lời giải

a) Các phân số tối giản là: $\frac{4}{3}$; $\frac{7}{18}$; $\frac{8}{9}$

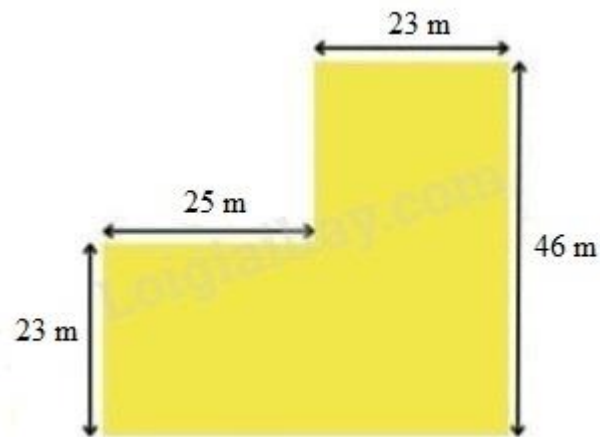
$$b) \frac{15}{27} = \frac{15:3}{27:3} = \frac{5}{9} = \frac{10}{18}$$

$$\frac{4}{3} = \frac{24}{18}; \quad \frac{8}{9} = \frac{16}{18}$$

$$\text{Ta có } \frac{7}{18} < \frac{10}{18} < \frac{16}{18} < \frac{24}{18}$$

Vậy các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: $\frac{7}{18}$; $\frac{15}{27}$; $\frac{8}{9}$; $\frac{4}{3}$

Câu 4. Bác Năm có một mảnh vườn như hình bên. Tính diện tích mảnh vườn đó.



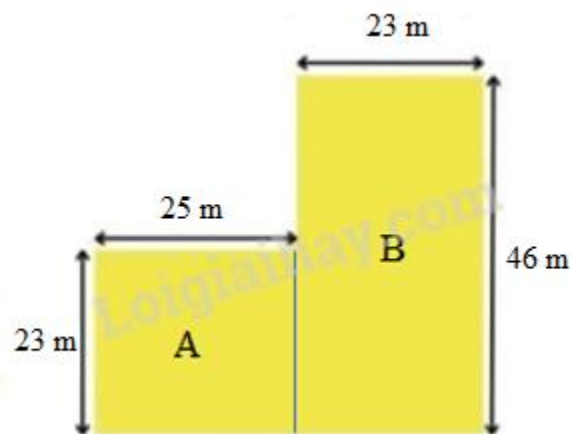
Phương pháp

Chia mảnh vườn thành các hình chữ nhật nhỏ hơn

Diện tích mảnh vườn bằng tổng diện tích các hình vừa chia

Lời giải

Ta chia mảnh vườn như sau:



Diện tích mảnh vườn A là:

$$25 \times 23 = 575 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích mảnh vườn B là:

$$46 \times 23 = 1\,058 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích mảnh vườn của bác Năm là:

$$575 + 1\,058 = 1\,633 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1 633 m²